**CÁC MẪU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ HIỂN THỊ THAM KHẢO**  
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính)*

**Mẫu hiển thị số 01: Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** | | | | | | | | | | | |
|  | | |  | | | | | | Ký hiệu: 1C21TAA  Số: 123 | | |
| Ngày 02 tháng 01 năm 2021 | | | | | | | | | | | |
| Tên người bán: CÔNG TY TNHH A  Mã số thuế:  Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội  Điện thoại:.......................................... Số tài khoản..................................................................... | | | | | | | | | | | |
| Họ tên người mua: ………………………………………………………………………………………  Tên người mua: ………………………………………………………………………………………….  Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………………….  Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………  Hình thức thanh toán:...............................Số tài khoản…………………Đồng tiền thanh toán: VNĐ | | | | | | | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | | Số lượng | Đơn giá | | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT | | Tiền thuế GTGT | Thành tiền có thuế GTGT |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | 5 | | 6 | 7= 4 x5 | | 8 =7x6 | 9 = 7+8 |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT: | | | | | | | | | | | |
| Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: …………  Số tiền viết bằng chữ:................................................................................................. | | | | | | | | | | | |
| Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có)) | | | | | | Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) | | | | | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)* | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mẫu hiển thị số 02: Hóa đơn điện tử bán hàng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp)**  **HÓA ĐƠN BÁN HÀNG** | | | | | | | |
|  | | | | | | Ký hiệu: 2C21TBB  Số: 98723 | |
| Ngày 15 tháng 10 năm 2021 | | | | | | | |
| Tên người bán: CÔNG TY TNHH A  Mã số thuế: 010023400  Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội  Số tài khoản....................................................................................................................................  Điện thoại:...................................................................................................................................... | | | | | | | |
| Họ tên người mua hàng.................................................................................................................  Tên người mua.............................................................................................................................  Địa chỉ................................................................ Số tài khoản......................................................  Hình thức thanh toán:.................. MST:..............................................Đồng tiền thanh toán:VNĐ | | | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | | Số lượng | Đơn giá | | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | 5 | | 6=4x5 |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Tổng tiền thanh toán: ...........................  Số tiền viết bằng chữ:................................................................................................................. | | | | | | | |
| Người mua hàng Chữ ký số (nếu có) | | | Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) | | | | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)* | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu hiển thị số 03: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử**

Tên người xuất hàng: Công ty A

Theo lệnh điều động số 578 của Chi nhánh B về việc vận chuyển hàng hóa

Địa chỉ kho xuất hàng: 125 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Tên người vận chuyển: Trần Văn Đức

Phương tiện vận chuyển: ô tô bán tải số 30 A 410.67

Mã số thuế người xuất hàng:……………………………………………

**PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN ĐIỆN TỬ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày*30 *tháng*9 *năm*2022 | Ký hiệu: 3K22TAB  Số: 12347 |

Tên người nhận hàng: Trần Văn C

Địa chỉ kho nhận hàng: 99 Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế:……………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)** | **Mã số** | **Đơn vị** **tính** | **Số lượng** | | **Đơn** **giá** | **Thành** **tiền** |
| **Thực** **xuất** | **Thực** **nhập** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** | | | | | |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)* |

**Mẫu hiển thị số 04: Hóa đơn điện tử Giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** | | | | |
|  | |  | | Ký hiệu: 2K22DAA  Số: 9852 |
| Ngày 22 tháng 03 năm 2022 | | | | |
| Tên người bán: CÔNG TY TNHH Bảo hiểm nhân thọ A  Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………  Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội  Điện thoại:.................................................Số tài khoản..................................................... | | | | |
| Tên người mua: ...............................................................................................................  Mã số thuế:……………………………………………………………………………………….  Địa chỉ...............................................................................................................................  Hình thức thanh toán:................................Số tài khoản……………….. Đồng tiền thanh toán:VNĐ | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | | Thành tiền | |
| 1 | 2 | | 3 | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
| Thành tiền chưa có thuế GTGT: ………….... | | | | |
| Thuế suất giá trị gia tăng: ....…… % | | | Tiền thuế giá trị gia tăng………… | |
| Tổng tiền thanh toán:  Số tiền viết bằng chữ:............................................................................................................. | | | | |
| Người mua hàng Chữ ký số (nếu có) | | | Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | |
|  |  |  |  |  |

**Mẫu hiển thị số 5: Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù thu bằng ngoại tệ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** | | | | | | | | | | |
|  | | | |  | | | | Ký hiệu: 1K22DAA  Số: 6830 | | |
| Ngày 04 tháng 10 năm 2022 | | | | | | | | | | |
| Tên người bán:………………………………………………………………………………………….  Mã số thuế: ………………………………………………………………………………….…………  Địa chỉ:……………………………………………………………………………………...…………….  Điện thoại:................................................. Số tài khoản............................................................. | | | | | | | | | | |
| Tên người mua.............................................................................................................................  Mã số thuế:………………………………………………………………………………….…………….  Địa chỉ  ..........................................................................................................................................  Hình thức thanh toán:.................................Số tài khoản…………..… Đồng tiền thanh toán USD | | | | | | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT | Tiền thuế GTGT | Thành tiền có thuế GTGT | Tỷ giá (USD/ VND) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7=4x5 | 8 = 6x7 | 9 = 7+8 | 10 |
|  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT: ………….... | | | | | | | | | | |
| Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: ……… | | | | | | | | | | |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT: ………......  Số tiền viết bằng chữ:................................................................................................. | | | | | | | | | | |
| Người mua hàng Chữ ký số (nếu có) | | | | | | Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) | | | | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | | | | | | | |

**PHỤ LỤC II**

**MẪU BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ**

*[01]Kỳ dữ liệu: Tháng ...............năm…… hoặc quý………..…năm...............*

*[02]Lần đầu [ ]                  [03] Bổ sung lần thứ [ ]*

*[04]*Tên người nộp thuế:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *[05]*Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Số:………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa** **đơn** | **Ngày tháng năm lập hóa đơn** | **Tên người mua** | **Mã số** **thuế người mua/mã khách hàng** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Đơn vị** **tính** | **Số lượng hàng hóa** | **Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT** | **Thuế suất thuế GTGT** | **Tổng số** **thuế GTGT** | **Tổng tiền thanh toán** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày......tháng......năm.....* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *<Chữ ký số của người nộp thuế>* |

***Ghi chú:***

*- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.*

*- Các chỉ tiêu (7), (8), (9) chỉ áp dụng đối với trường hợp bán xăng dầu cho người tiêu dùng là cá nhân. Người bán tổng hợp dữ liệu của các hóa đơn bán cho người tiêu dùng là cá nhân trong ngày theo từng mặt hàng.*

*- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không có mã số thuế thì để trống; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.*